

**CÔNG TY CỔ PHẦN  
GIAO NHẬN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG  
VÀ CÔNG TY CON**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**  
Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2021



MỤC LỤC

Trang

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 – 2
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	3 – 4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	5 – 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	8 – 9
Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	10 – 39



**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Giao Nhận Vận Tải Ngoại Thương (dưới đây gọi tắt là "Công ty") đề trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm đã được soát xét của Công ty và công ty con (dưới đây cùng với Công ty gọi chung là "Tập đoàn") cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2021.

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Nguyễn Xuân Giang	Chủ tịch
Ông Trần Công Thành	Thành viên
Ông Vũ Thế Đức	Thành viên
Ông Lê Duy Hiệp	Thành viên
Ông Nguyễn Bích Lân	Thành viên
Ông Bùi Tuấn Ngọc	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 23 tháng 03 năm 2021)
Ông Nguyễn Bảo Trung	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 23 tháng 04 năm 2021)
Bà Lê Hoàng Như Yên	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 23 tháng 04 năm 2021)

Danh sách các thành viên Ban Kiểm soát trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Bà Nguyễn Quốc Thiên Kim	Trưởng ban (Bổ nhiệm ngày 23 tháng 04 năm 2021)
Ông Thái Văn Toàn	Trưởng ban (Miễn nhiệm ngày 25 tháng 03 năm 2021)
Bà Vũ Thị Bình Nguyên	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Kim Liên	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 23 tháng 04 năm 2021)

Danh sách các thành viên Ban Tổng Giám đốc của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Trần Công Thành	Tổng Giám đốc
Ông Lê Đại Thắng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Ngô Trọng Bắc	Phó Tổng Giám đốc
Ông Tăng Anh Quốc	Phó Tổng Giám đốc

**KIỂM TOÁN VIÊN**

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán & Tư Vấn RSM Việt Nam, thành viên RSM Quốc tế.

**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất hằng kỳ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn trong kỳ. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tập đoàn có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động liên tục; và
- Thiết kế và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận.

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)**

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Tập đoàn đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp và lưu giữ đầy đủ để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại bất kỳ thời điểm nào và báo cáo tài chính hợp nhất được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam cũng như các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Tập đoàn và thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

**CÔNG BỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Ban Tổng Giám đốc Công ty công bố rằng, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn vào ngày 30 tháng 06 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của kỳ kế toán kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Trần Công Thành  
Tổng Giám đốc

Thành phố Hà Nội, ngày 25 tháng 08 năm 2021



Số: 32/2021/SX-RSMHCM

**BÁO CÁO SOÁT XÉT  
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

**Kính gửi:** Các thành viên Hội đồng Quản trị  
Các thành viên Ban Tổng Giám đốc  
CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Giao Nhận Vận Tải Ngoại Thương (dưới đây gọi tắt là "Công ty") và công ty con (cùng với Công ty dưới đây gọi chung là "Tập đoàn"), được lập ngày 25 tháng 08 năm 2021, từ trang 05 đến trang 39, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 06 năm 2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

**Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính hợp nhất giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của Tập đoàn thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

(Xem trang tiếp theo)

**BÁO CÁO SOÁT XÉT (TIẾP THEO)****Kết luận của kiểm toán viên**

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Giao Nhận Vận Tải Ngoại Thương và công ty con tại ngày 30 tháng 06 năm 2021, và kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC ngày 22/12/2014, Thông tư số 53/2016/TT- BTC ngày 21/03/ 2016 và hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

**KT. TỔNG GIÁM ĐỐC**

**Lục Thị Vân**  
**Phó Tổng giám đốc**

Số Giấy CN Đăng ký hành nghề kiểm toán:  
0172-2018-026-1

**Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam**

TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 08 năm 2021

Như đã trình bày tại mục 2.1 của Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước ngoài Việt Nam.



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 30/06/2021

Đơn vị tính: VND

<b>TÀI SẢN</b>	<b>Mã số</b>	<b>TM</b>	<b>Tại ngày 30/06/2021</b>	<b>Tại ngày 01/01/2021</b>
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>562.639.526.014</b>	<b>415.127.276.577</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>4.1</b>	<b>138.632.610.720</b>	<b>100.042.072.603</b>
1. Tiền	111		95.590.574.686	67.975.669.936
2. Các khoản tương đương tiền	112		43.042.036.034	32.066.402.667
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>4.2</b>	<b>99.752.128.767</b>	<b>65.676.985.091</b>
1. Chứng khoán kinh doanh	121		16.525.000.000	11.275.000.000
2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		83.227.128.767	54.401.985.091
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>324.091.872.681</b>	<b>249.407.786.247</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	4.3	298.628.004.470	225.046.489.891
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	4.4	10.602.821.149	9.107.697.006
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	4.5	22.075.700.470	20.413.114.381
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	4.6	(7.214.653.408)	(5.159.515.031)
<b>IV. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>162.913.846</b>	<b>432.636</b>
1. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	4.10	162.913.846	432.636
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>202.791.859.922</b>	<b>226.412.844.645</b>
<b>I. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>38.391.801.044</b>	<b>40.126.934.196</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	4.7	37.273.535.296	38.974.050.194
Nguyên giá	222		108.251.813.989	107.567.534.672
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(70.978.278.693)	(68.593.484.478)
2. Tài sản cố định vô hình	227	4.8	1.118.265.748	1.152.884.002
Nguyên giá	228		3.538.073.186	3.644.588.786
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2.419.807.438)	(2.491.704.784)
<b>II. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>147.239.000</b>	<b>306.108.900</b>
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		147.239.000	306.108.900
<b>III. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>4.2</b>	<b>163.248.813.687</b>	<b>184.660.692.700</b>
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		140.658.879.480	164.774.955.829
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		21.623.200.000	19.038.200.000
3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(733.265.793)	(852.463.129)
4. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		1.700.000.000	1.700.000.000
<b>IV. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>1.004.006.191</b>	<b>1.319.108.849</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		1.004.006.191	1.319.108.849
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>765.431.385.936</b>	<b>641.540.121.222</b>

(Xem trang tiếp theo)

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Tại ngày 30/06/2021

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	Tại ngày 30/06/2021	Tại ngày 01/01/2021
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>590.384.645.371</b>	<b>454.835.232.202</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>527.760.588.837</b>	<b>452.835.232.202</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	4.9	217.865.930.663	171.669.544.048
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		1.498.298.146	1.347.925.163
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	4.10	7.324.739.713	3.732.533.034
4. Phải trả người lao động	314	4.11	9.968.766.368	-
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	4.12	2.332.378.231	526.757.611
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	4.13	3.400.700.722	5.201.977.222
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	4.14	285.361.581.615	270.353.412.857
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		8.193.379	3.082.267
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>62.624.056.534</b>	<b>2.000.000.000</b>
1. Chi phí phải trả dài hạn	333	4.12	1.750.039.967	-
2. Phải trả dài hạn khác	337	4.13	2.146.350.000	2.000.000.000
3. Trái phiếu chuyển đổi	339	4.15	58.727.666.567	-
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>175.046.740.565</b>	<b>186.704.889.020</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	4.16.1	<b>175.046.740.565</b>	<b>186.704.889.020</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		119.490.050.000	119.490.050.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		119.490.050.000	119.490.050.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		45.544.394.511	45.544.394.511
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413	4.15	531.977.480	-
4. Cổ phiếu quỹ	415		(817.208.082)	(817.208.082)
5. Quỹ đầu tư phát triển	418	4.16.5	9.400.293.842	9.400.293.842
6. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420	4.16.5	12.000.000.000	12.000.000.000
7. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(11.102.767.186)	1.087.358.749
LNST chưa phân phối lũy kế đến CK trước	421a		1.087.358.749	10.697.722.401
LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(12.190.125.935)	(9.610.363.652)
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>765.431.385.936</b>	<b>641.540.121.222</b>

Phê duyệt



Trần Công Thành

Tổng Giám đốc

Thành phố Hà Nội, ngày 25 tháng 08 năm 2021

Người lập

Đỗ Thị Thu Hiền

Kế toán trưởng



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**  
Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Kỳ này	Kỳ trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.1	1.051.577.425.195	533.820.996.640
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		1.051.577.425.195	533.820.996.640
3. Giá vốn hàng bán	11	5.2	1.008.833.863.453	511.371.437.578
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		42.743.561.742	22.449.559.062
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.3	3.664.524.907	3.505.433.038
6. Chi phí tài chính	22	5.4	12.006.334.317	8.093.872.660
Trong đó, chi phí lãi vay	23		10.901.361.674	7.149.044.954
7. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết	24		(24.116.076.349)	139.728.390
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.5	20.237.924.756	14.552.546.505
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(9.952.248.773)	3.448.301.325
10. Thu nhập khác	31		277.486.338	293.465.802
11. Chi phí khác	32		499.693.381	362.090.533
12. Lợi nhuận khác	40		(222.207.043)	(68.624.731)
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(10.174.455.816)	3.379.676.594
14. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.7	2.015.670.119	1.013.132.427
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(12.190.125.935)	2.366.544.167
16. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		(12.190.125.935)	2.366.544.167
17. Lãi/(Lỗ) cơ bản trên cổ phiếu	70	4.16.3	(1.067)	157
18. Lãi/(Lỗ) suy giảm trên cổ phiếu	71	4.16.4	(1.067)	157



**Trần Công Thành**  
**Tổng Giám đốc**

Thành phố Hà Nội, ngày 25 tháng 08 năm 2021

**Người lập**

**Đỗ Thị Thu Hiền**  
**Kế toán trưởng**

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT***(Theo phương pháp gián tiếp)*

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Kỳ này	Kỳ trước
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		(10.174.455.816)	3.379.676.594
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	5.6	2.470.576.931	3.248.236.029
Các khoản dự phòng	03		1.935.941.041	485.863.905
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	5.4	552.508.342	239.338.160
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		21.617.024.577	(2.857.746.378)
Chi phí lãi vay	06	5.4	10.901.361.674	7.149.044.954
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	08		<b>27.302.956.749</b>	<b>11.644.413.264</b>
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(84.101.922.528)	(19.487.401.560)
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		66.807.384.746	9.643.710.864
Tăng giảm chi phí trả trước	12		315.102.658	748.953.118
Tăng giảm chứng khoán kinh doanh	13		(5.250.000.000)	-
Tiền lãi vay đã trả	14		(9.043.152.660)	(7.149.044.954)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	4.10	(822.677.567)	(2.477.086.574)
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(832.888.888)	(500.000.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>(5.625.197.490)</b>	<b>(7.576.455.842)</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(576.573.879)	(36.900.000)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	781.545.455
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		(40.007.068.073)	(6.060.570.171)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		11.181.924.397	600.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(2.585.000.000)	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	8.725.000.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		2.499.051.772	2.454.642.787
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(29.487.665.783)</b>	<b>6.463.718.071</b>

(Xem trang tiếp theo)



Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Kỳ này	Kỳ trước
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		531.977.480	-
2. Tiền thu từ đi vay	33	6.1	776.266.712.572	353.631.632.950
3. Tiền trả nợ gốc vay	34	6.2	(702.535.921.294)	(351.567.902.358)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>74.262.768.758</b>	<b>2.063.730.592</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG NĂM</b>				
<b>(50 = 20+30+40)</b>	<b>50</b>		<b>39.149.905.485</b>	<b>950.992.821</b>
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		100.042.072.603	77.283.730.750
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(559.367.368)	(157.609.021)
<b>TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI NĂM</b>				
<b>(70 = 50+60+61)</b>	<b>70</b>	4.1	<b>138.632.610.720</b>	<b>78.077.114.550</b>

Phê duyệt



**Người lập**

**Trần Công Thành**

**Tổng Giám đốc**

Thành phố Hà Nội, ngày 25 tháng 08 năm 2021

**Đỗ Thị Thu Hiền**

**Kế toán trưởng**

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT****1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP****1.1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Giao Nhận Vận Tải Ngoại Thương (dưới đây gọi tắt là "Công ty") trước đây là chi nhánh Hà Nội của Công ty Giao Nhận Kho Vận Ngoại Thương Thành phố Hồ Chí Minh. Ngày 30 tháng 12 năm 2002, Chi nhánh được chuyển đổi thành công ty cổ phần có tên gọi là Công ty Cổ phần Giao Nhận Vận Tải Ngoại Thương theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0103002086 ngày 07 tháng 04 năm 2003 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp và các Giấy phép thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 30 tháng 11 năm 2018 để thay đổi vốn điều lệ.

Ngày 07 tháng 08 năm 2009 Công ty chính thức được cấp phép đăng ký giao dịch chứng khoán tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam theo Quyết định số 38/2009/GCNCP-TTLK ngày 07 tháng 08 năm 2009 của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam. Ngày 10 tháng 08 năm 2009, Công ty chính thức được niêm yết giao dịch chứng khoán tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội theo Quyết định số 42/GCN-SGDHN ngày 10 tháng 08 năm 2009 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 119.490.050.000 VND, được chi tiết như sau:

Nhà đầu tư	Quốc gia/ Quốc tịch	Tại ngày 30/06/2021		Tại ngày 01/01/2021	
		Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)	Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)
Công ty Cổ phần Vinafreight	Việt Nam	29.615.000.000	24,78	29.615.000.000	24,78
Công ty Cổ phần VNT Holdings	Việt Nam	27.780.000.000	23,25	27.780.000.000	23,25
Công ty Cổ phần Transimex	Việt Nam	18.591.400.000	15,56	18.591.400.000	15,56
Lionas Fund Co.,LTD	Nhật Bản	17.136.000.000	14,34	17.136.000.000	14,34
Công ty Cổ phần Giao Nhận Kho Vận Ngoại Thương Việt Nam	Việt Nam	9.000.000.000	7,53	9.000.000.000	7,53
Các đối tượng khác		17.367.650.000	14,54	17.367.650.000	14,54
<b>Cộng</b>		<b>119.490.050.000</b>	<b>100</b>	<b>119.490.050.000</b>	<b>100</b>

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại Số 02 Bích Câu, Phường Quốc Tử Giám, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Công ty có đầu tư vào 01 công ty con như được trình bày tại mục 1.6 dưới đây (cùng với Công ty dưới đây gọi chung là "Tập đoàn").

Các đơn vị trực thuộc tính đến 30 tháng 06 năm 2021 là chi nhánh Hải Phòng, địa chỉ tại số 208 Đường Chùa Vẽ, Phường Đông Hải 1, Quận Hải An, Thành phố Hải Phòng.

Tổng số nhân viên của Tập đoàn tại ngày 30/06/2021 là 401 (31/12/2020 là: 392).

**1.2. Lĩnh vực kinh doanh**

Giao nhận, tiếp vận.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)****1.3. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh chính của Tập đoàn là:

- Bốc xếp hàng hóa: xếp hàng hóa hoặc hành lý của khách hàng lên tàu biển hoặc dỡ hàng hóa, hành lý của hành khách từ tàu biển, bốc vác hàng hóa tại cảng biển;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác: đường thủy, bến cảng và các công trình trên sông, các cảng du lịch, cửa cống;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải:
  - + Kinh doanh các dịch vụ về giao nhận, vận tải hàng hóa xuất nhập khẩu;
  - + Môi giới thuê và cho thuê tàu cho các chủ hàng và chủ tàu trong và ngoài nước;
  - + Đại lý giao nhận cho các hãng giao nhận và vận tải nước ngoài;
  - + Đại lý tàu biển;
  - + Kinh doanh vận tải hàng hoá đa phương thức;
  - + Dịch vụ thương mại và dịch vụ có liên quan đến giao nhận vận chuyển hàng hóa xuất nhập khẩu (thủ tục hải quan, tái chế, bao bì, kiểm kiện hàng hoá xuất nhập khẩu);
- Đại lý, môi giới, đấu giá: môi giới hàng hải;
- Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp: kinh doanh siêu thị, trung tâm thương mại;
- Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại: tổ chức hội chợ triển lãm, hội nghị, hội thảo, trưng bày, giới thiệu sản phẩm hàng hóa;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu: kinh doanh xuất nhập khẩu trực tiếp và nhận ủy thác xuất nhập khẩu;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê: kinh doanh cho thuê văn phòng làm việc, kho bãi;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ:
  - + Kinh doanh vận tải hàng hóa nội địa và quá cảnh;
  - + Kinh doanh các dịch vụ về vận tải hàng xuất nhập khẩu;
  - + Vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng, hàng quá khổ, quá tải;
  - + Kinh doanh vận tải hàng hóa nội địa và quá cảnh.

**1.4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tập đoàn là 12 tháng.

**1.5. Đặc điểm hoạt động của Tập đoàn trong kỳ có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính hợp nhất**

Tập đoàn hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ giao nhận và tiếp vận là ngành nghề có xu hướng tăng trưởng mạnh trong 06 tháng đầu năm 2021. Tác động của đại dịch Covid-19 làm cho đơn giá cước và khối lượng vận chuyển gia tăng, do đó doanh thu kỳ này của Tập đoàn đã tăng 97% so với kỳ trước, cụ thể:

- Doanh thu cước vận chuyển hàng không tăng 48%;
- Doanh thu cước vận chuyển đường biển tăng 168%;
- Doanh thu từ các dịch vụ khác tăng 144%.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

**1.6. Công ty con được hợp nhất**

Là Công ty TNHH Giao nhận Vận tải Hà Thành với tỷ lệ quyền biểu quyết và tỷ lệ lợi ích là 100%. Trụ sở của công ty con được đặt tại số 02 Bích Câu, Phường Quốc Tử Giám, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

**1.7. Công ty liên kết quan trọng được phản ánh trong báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu**

Là Công ty Cổ phần Cảng Mipec với tỷ lệ quyền biểu quyết và tỷ lệ lợi ích là 30%. Trụ sở của công ty liên kết được đặt tại Bán đảo Đình Vũ - Khu KT Đình Vũ Cát Hải, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam.

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**2.1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và Chuẩn mực kế toán Việt Nam.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

**2.2. Hình thức sổ kế toán áp dụng**

Tập đoàn áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.

**2.3. Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Tập đoàn từ 01/01 đến 31/12.

**2.4. Đơn vị tiền tệ trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là VND.

**2.5. Cơ sở hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất là báo cáo tài chính của Tập đoàn mà trong đó tài sản, nợ, nguồn vốn, doanh thu, chi phí và dòng tiền của công ty mẹ và các công ty con được trình bày như một doanh nghiệp độc lập không tính đến ranh giới pháp lý của các công ty riêng biệt. Các báo cáo tài chính của các công ty con đã được lập cho cùng năm tài chính với công ty mẹ theo các chính sách kế toán thống nhất với các chính sách kế toán của công ty mẹ. Các bút toán điều chỉnh đã được thực hiện đối với bất kỳ chính sách kế toán nào có điểm khác biệt nhằm đảm bảo tính thống nhất giữa các công ty con và công ty mẹ.

Các công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua là ngày Tập đoàn thực sự nắm quyền kiểm soát công ty con và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Tập đoàn thực sự chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con, trừ trường hợp quyền kiểm soát của Tập đoàn chỉ là tạm thời khi công ty con chỉ được mua và nắm giữ cho mục đích bán lại trong thời gian không quá 12 tháng.

**Phương pháp loại trừ giao dịch nội bộ**

Tất cả các số dư và các giao dịch nội bộ, kể cả các khoản lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ hoàn toàn khi hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện cũng được loại trừ trên báo cáo tài chính hợp nhất, trừ trường hợp chi phí gây ra khoản lỗ đó không thể thu hồi.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU ĐƯỢC ÁP DỤNG**

**3.1. Ngoại tệ**

- Tỷ giá áp dụng trong kế toán là tỷ giá của Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam;
- Tỷ giá áp dụng khi ghi nhận và đánh giá lại tài sản là tỷ giá mua ngoại tệ;
- Tỷ giá áp dụng khi ghi nhận và đánh giá lại nợ phải trả là tỷ giá bán ngoại tệ;
- Các loại tỷ giá áp dụng trong giao dịch khác là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh.

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong quá trình thanh toán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ. Số dư các khoản mục tiền, nợ phải thu, nợ phải trả có gốc ngoại tệ, ngoại trừ số dư các khoản trả trước cho người bán bằng ngoại tệ, số dư chi phí trả trước bằng ngoại tệ và số dư doanh thu nhận trước bằng ngoại tệ, được chuyển đổi sang đồng tiền hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày lập bảng cân đối kế toán hợp nhất. Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ sau khi bù trừ tăng giảm được hạch toán vào kết quả kinh doanh hợp nhất trong kỳ.

**3.2. Các ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định có ảnh hưởng đến các số liệu về tài sản, nợ phải trả và việc trình bày các tài sản và nợ tiềm tàng tại ngày 30 tháng 06 năm 2021 cũng như các khoản doanh thu, chi phí cho giao đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2021. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc về tất cả những thông tin liên quan có sẵn tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**3.3. Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

Các khoản tương đương tiền được xác định phù hợp với Chuẩn mực kế toán số 24 – Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.

**3.4. Đầu tư tài chính**

***Chứng khoán kinh doanh***

Chứng khoán kinh doanh là các khoản chứng khoán và các công cụ tài chính khác nắm giữ vì mục đích kinh doanh (nắm giữ với mục đích chờ tăng giá để bán ra kiếm lời) tại thời điểm báo cáo.

Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận theo giá gốc. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh bao gồm giá mua và các chi phí mua như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, lệ phí và phí ngân hàng. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.

***Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn***

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm các khoản như các khoản tiền gửi có kỳ hạn, trái phiếu.

Khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hay toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được thì số tổn thất đó được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ.



## **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

### ***Các khoản đầu tư vốn vào đơn vị khác***

#### ***Đầu tư vào công ty liên kết***

Khoản đầu tư được phân loại là đầu tư vào công ty liên kết khi Tập đoàn nắm giữ trực tiếp hoặc gián tiếp từ 20% đến dưới 50% quyền biểu quyết của bên nhận đầu tư mà không có thỏa thuận khác.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư vào công ty liên kết ban đầu được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí của các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh. Sau đó, giá trị của khoản đầu tư được điều chỉnh tăng giảm tương ứng với phần sở hữu của Tập đoàn trong lãi lỗ của công ty liên kết sau ngày mua. Các khoản phân phối từ công ty liên kết sau ngày mua được ghi giảm giá trị của khoản đầu tư.

#### ***Đầu tư khác***

Khoản đầu tư được phân loại là đầu tư khác là các khoản đầu tư ngoài các khoản đầu tư vào công ty con, đầu tư vào công ty liên doanh, và đầu tư vào công ty liên kết.

Các khoản đầu tư khác được phản ánh theo giá gốc, bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư (nếu có). Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí của các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

### ***Phương pháp lập dự phòng tổn thất đầu tư khác***

#### ***Đối với các khoản đầu tư chứng khoán***

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất, đối với các khoản đầu tư chứng khoán niêm yết hoặc đăng ký giao dịch trên thị trường chứng khoán trong nước và là chứng khoán mua bán tự do trên thị trường khi giá chứng khoán thực tế trên thị trường thấp hơn giá trị của khoản đầu tư chứng khoán đang hạch toán trên sổ kế toán, dự phòng tổn thất các khoản đầu tư chứng khoán được trích lập để phản ánh khoản lỗ do tổn thất với mức tối đa bằng giá trị đầu tư thực tế đang hạch toán trên sổ kế toán để bảo đảm phản ánh giá trị các khoản đầu tư không cao hơn giá trên thị trường.

#### ***Đối với các khoản đầu tư khác***

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất, đối với các khoản đầu tư khác không phải là đầu tư chứng khoán niêm yết hoặc đăng ký giao dịch trên thị trường chứng khoán trong nước và không phải là chứng khoán tự do mua bán trên thị trường, dự phòng tổn thất các khoản đầu tư khác được trích lập khi có cơ sở cho thấy có giá trị suy giảm so với giá trị đầu tư của doanh nghiệp với mức trích lập phù hợp với mức quy định tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08 tháng 08 năm 2019 của Bộ Tài chính nhưng tối đa bằng giá trị đầu tư thực tế đang hạch toán trên sổ kế toán.

### **3.5. Nợ phải thu**

#### ***Nguyên tắc ghi nhận***

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu của khách hàng và các khoản phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

#### ***Nguyên tắc dự phòng nợ phải thu khó đòi***

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất, dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và các khoản nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng có khả năng không thu hồi được đúng hạn với mức trích lập phù hợp với mức quy định tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08 tháng 08 năm 2019 của Bộ Tài chính để bảo đảm phản ánh giá trị các khoản nợ phải thu không cao hơn giá trị có thể thu hồi được.



### **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

#### **3.6. Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

##### ***Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu***

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Trường hợp mua tài sản cố định được kèm thêm thiết bị, phụ tùng thay thế thì xác định và ghi nhận riêng thiết bị, phụ tùng thay thế theo giá trị hợp lý và được trừ (-) khỏi nguyên giá tài sản cố định hữu hình.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do các nhà thầu xây dựng bao gồm giá trị công trình hoàn thành bàn giao, các chi phí liên quan trực tiếp khác và thuế trước bạ (nếu có).

##### ***Phương pháp khấu hao***

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

▪ Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 24 năm
▪ Máy móc thiết bị	03 - 10 năm
▪ Phương tiện vận tải truyền dẫn	06 - 10 năm
▪ Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05 năm
▪ Khác	04 năm

#### **3.7. Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

##### ***Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu***

Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng theo dự tính.

##### ***Nguyên tắc kế toán các tài sản cố định vô hình***

###### ***Quyền sử dụng đất***

Quyền sử dụng đất được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế là giá trị quyền sử dụng diện tích đất tại số 02 phố Bích Câu, Phường Quốc Tử Giám, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội trong 20 năm; quyền sử dụng diện tích đất tại Phường Đồng Hải 2, Quận Hải An, Thành phố Hải Phòng trong 50 năm và quyền sử dụng lâu dài diện tích đất tại Số 208 Đường Chùa Vẽ, Phường Đồng Hải 1, Quận Hải An, Thành phố Hải Phòng.

Quyền sử dụng đất có thời hạn được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất.

Quyền sử dụng đất vô thời hạn không trích khấu hao.

###### ***Phần mềm máy vi tính***

Phần mềm máy vi tính không phải là cấu phần không thể thiếu của phần cứng thì được ghi nhận như tài sản cố định vô hình và được khấu hao theo thời gian sử dụng hữu ích.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

**3.8. Nợ phải trả**

Nợ phải trả được phân loại là phải trả người bán và phải trả khác theo nguyên tắc: Phải trả người bán là khoản phải trả có tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua bán hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua; Các khoản phải trả còn lại được phân loại là phải trả khác.

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, theo nguyên tệ và theo từng đối tượng.

Nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

**3.9. Chi phí phải trả**

Các khoản chi phí phải trả được ghi nhận cho giá trị phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh hợp nhất của kỳ báo cáo.

**3.10. Trái phiếu chuyển đổi**

Trái phiếu chuyển đổi là loại trái phiếu có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông của cùng một tổ chức phát hành theo các điều kiện đã được xác định trong phương án phát hành. Doanh nghiệp phát hành trái phiếu chuyển đổi phải thực hiện các thủ tục và đáp ứng được các điều kiện phát hành trái phiếu chuyển đổi theo quy định của pháp luật.

Chi phí phát hành trái phiếu chuyển đổi được phân bổ dần phù hợp với kỳ hạn trái phiếu theo phương pháp đường thẳng hoặc phương pháp lãi suất thực tế và ghi nhận vào chi phí tài chính hoặc vốn hóa. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, chi phí phát hành trái phiếu chuyển đổi được ghi giảm phần nợ gốc của trái phiếu. Định kỳ, kế toán phân bổ chi phí phát hành trái phiếu chuyển đổi bằng cách ghi tăng giá trị nợ gốc và ghi nhận vào chi phí tài chính hoặc vốn hóa phù hợp với việc ghi nhận lãi vay phải trả của trái phiếu.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, khi phát hành trái phiếu chuyển đổi, doanh nghiệp phải tính toán và xác định riêng biệt giá trị cấu phần nợ (nợ gốc) và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi. Phần nợ gốc của trái phiếu chuyển đổi được ghi nhận là nợ phải trả; cấu phần vốn (quyền chọn cổ phiếu) của trái phiếu chuyển đổi được ghi nhận là vốn chủ sở hữu.

Việc xác định giá trị các cấu phần của trái phiếu chuyển đổi được thực hiện như sau:

- Xác định giá trị phần nợ gốc của trái phiếu chuyển đổi tại thời điểm phát hành

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, giá trị phần nợ gốc của trái phiếu chuyển đổi được xác định bằng cách chiết khấu giá trị danh nghĩa của khoản thanh toán trong tương lai (gồm cả gốc và lãi trái phiếu) về giá trị hiện tại theo lãi suất của trái phiếu tương tự trên thị trường nhưng không có quyền chuyển đổi thành cổ phiếu và trừ đi chi phí phát hành trái phiếu chuyển đổi. Trường hợp không xác định được lãi suất của trái phiếu tương tự, doanh nghiệp được sử dụng lãi suất đi vay phổ biến trên thị trường tại thời điểm phát hành trái phiếu để xác định giá trị hiện tại của khoản thanh toán trong tương lai.

- Xác định giá trị cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi (quyền chọn chuyển đổi trái phiếu)

Giá trị cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi được xác định là phần chênh lệch giữa tổng số tiền thu về từ việc phát hành trái phiếu chuyển đổi và giá trị cấu phần nợ của trái phiếu chuyển đổi tại thời điểm phát hành.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Sau ghi nhận ban đầu, kế toán phải điều chỉnh giá trị phần nợ gốc của trái phiếu chuyển đổi như sau:

- Ghi tăng giá trị phần nợ gốc của trái phiếu đối với chi phí phát hành trái phiếu được phân bổ định kỳ.
- Ghi tăng giá trị phần nợ gốc của trái phiếu đối với phần chênh lệch giữa số lãi trái phiếu phải trả tính theo lãi suất của trái phiếu tương không có quyền chuyển đổi hoặc lãi suất thực tế cao hơn số lãi trái phiếu phải trả tính theo lãi suất danh nghĩa.

Khi đáo hạn trái phiếu chuyển đổi:

- Giá trị quyền chọn cổ phiếu của trái phiếu chuyển đổi đang phản ánh trong phần vốn chủ sở hữu được chuyển sang ghi nhận là thặng dư vốn cổ phần mà không phụ thuộc vào việc người nắm giữ trái phiếu có thực hiện quyền chọn chuyển đổi thành cổ phiếu hay không.
- Trường hợp người nắm giữ trái phiếu không thực hiện quyền chọn chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu, doanh nghiệp ghi giảm phần nợ gốc của trái phiếu chuyển đổi tương ứng với số tiền hoàn trả gốc trái phiếu.
- Trường hợp người nắm giữ trái phiếu thực hiện quyền chọn chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu, kế toán ghi giảm phần nợ gốc của trái phiếu chuyển đổi và ghi tăng vốn đầu tư của chủ sở hữu tương ứng với mệnh giá số cổ phiếu phát hành thêm. Phần chênh lệch giữa giá trị phần nợ gốc của trái phiếu chuyển đổi lớn hơn giá trị cổ phiếu phát hành thêm tính theo mệnh giá được ghi nhận là khoản thặng dư vốn cổ phần.

**3.11. Nguồn vốn chủ sở hữu**

***Vốn góp của chủ sở hữu***

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

***Thặng dư vốn cổ phần***

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo phần chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu, chênh lệch giữa giá mua lại cổ phiếu quỹ và giá tái phát hành cổ phiếu quỹ.

***Quyền chọn trái phiếu chuyển đổi***

Quyền chọn trái phiếu chuyển đổi được xác định là khoản chênh lệch giữa tổng số tiền thu về từ việc phát hành trái phiếu chuyển đổi và giá trị cấu phần nợ của trái phiếu chuyển đổi tại thời điểm phát hành. Lãi suất sử dụng để chiết khấu dòng tiền là 7,5%/năm được đánh giá là đáng tin cậy.

***Cổ tức***

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả trong kỳ vào ngày công bố cổ tức.

***Quỹ dự trữ***

Các quỹ dự trữ từ lợi nhuận sau thuế được trích lập theo quy định trong Điều lệ của các công ty trong Tập đoàn.

***Phân phối lợi nhuận***

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ và theo các quy định của pháp luật Việt Nam.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

**3.12. Doanh thu và thu nhập khác**

***Doanh thu cung cấp dịch vụ***

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán hợp nhất của kỳ đó.

***Lãi tiền gửi***

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

***Thu nhập đầu tư vào công ty liên kết***

Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty liên kết được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất tương ứng với tỷ lệ sở hữu của Tập đoàn trong công ty liên doanh liên kết.

**3.13. Giá vốn hàng bán**

Giá vốn cung cấp dịch vụ là tổng chi phí phát sinh của dịch vụ bán ra trong kỳ theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu.

**3.14. Chi phí tài chính**

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí phát sinh trong kỳ chủ yếu bao gồm chi phí lãi vay, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái.

**3.15. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuê môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng).

**3.16. Thuế**

***Thuế thu nhập doanh nghiệp***

***Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành***

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành là 20%.

***Thuế giá trị gia tăng***

Thuế giá trị gia tăng của các hàng hóa và dịch vụ do Tập đoàn cung cấp được tính theo các mức thuế như sau:

- Cước vận chuyển quốc tế: 0%
- Phí dịch vụ chứng từ và các dịch vụ khác: 10%

***Các loại thuế khác***

Áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Các báo cáo thuế của các công ty trong Tập đoàn sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế đối với báo cáo thuế của các công ty trong Tập đoàn.

**3.17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hợp nhất sau thuế của Tập đoàn sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ, không bao gồm số cổ phiếu được Tập đoàn mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

**3.18. Lãi suy giảm trên cổ phiếu**

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Tập đoàn sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ và tổng số cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm, không bao gồm số cổ phiếu được Tập đoàn mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

**3.19. Báo cáo bộ phận**

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Tập đoàn tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác biệt với các bộ phận kinh doanh khác hoặc khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

**3.20. Các bên liên quan**

Các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Tập đoàn hoặc chịu sự kiểm soát của Tập đoàn, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Tập đoàn. Công ty liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Tập đoàn dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể đối với Tập đoàn, những nhân sự quản lý chủ chốt bao gồm các giám đốc, các cán bộ điều hành của Tập đoàn, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan.

**4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT****4.1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<b>Tại ngày 30/06/2021 VND</b>	<b>Tại ngày 01/01/2021 VND</b>
Tiền mặt	1.850.314.323	6.949.998.210
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	93.740.260.363	61.025.671.726
Các khoản tương đương tiền	43.042.036.034	32.066.402.667
<b>Cộng</b>	<b>138.632.610.720</b>	<b>100.042.072.603</b>

Giá trị các khoản tiền gửi có kỳ hạn là tương đương tiền đã dùng để đảm bảo cho các khoản vay – Xem thêm mục 4.14.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

4.2. Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh được chi tiết như sau:

	Tại ngày 30/06/2021			Tại ngày 01/01/2021		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
		VND			VND	
Đầu tư cổ phiếu:						
Cổ phiếu Công ty CP Logistics Vinalink	6.900.000.000	9.706.368.000	-	6.900.000.000	8.644.734.000	-
Cổ phiếu Công ty CP Vinafreight	9.625.000.000	10.158.750.000	-	4.375.000.000	9.135.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>16.525.000.000</b>	<b>19.865.118.000</b>	<b>-</b>	<b>11.275.000.000</b>	<b>17.779.734.000</b>	<b>-</b>

Tập đoàn đã xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào Công ty CP Logistics Vinalink và Công ty CP Vinafreight trên cơ sở giá niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán và số lượng cổ phiếu mà Tập đoàn đang nắm giữ.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được chi tiết như sau:

	Tại ngày 30/06/2021		Tại ngày 01/01/2021	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
		VND		VND
Ngắn hạn:				
Tiền gửi có kỳ hạn (*)	83.227.128.767	83.227.128.767	54.401.985.091	54.401.985.091
Dài hạn:				
Trái phiếu	1.700.000.000	1.700.000.000	1.700.000.000	1.700.000.000

(\*) Đây là các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 06 đến 12 tháng với lãi suất từ 3,5% đến 5,5%/năm. Các khoản tiền gửi có kỳ hạn này đang được dùng để đảm bảo cho các khoản vay – Xem thêm mục 4.14.



**CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG VÀ CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Số 02 Bích Câu, Phường Quốc Tử Giám, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Đầu tư góp vốn vào công ty liên kết được chi tiết như sau:

	Tại ngày 30/06/2021 VND		Tại ngày 01/01/2021 VND	
	Giá gốc	Giá trị theo phương pháp vốn chủ sở hữu	Giá gốc	Giá trị theo phương pháp vốn chủ sở hữu
Đầu tư vào công ty liên kết:				
Công ty Cổ phần Cảng Mipec	188.280.000.000	140.658.879.480	188.280.000.000	164.774.955.829
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được chi tiết như sau:				
	Tại ngày 30/06/2021 VND		Tại ngày 01/01/2021 VND	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
Đầu tư vào đơn vị khác:				
Công ty TNHH Mitsui				
Soko Việt Nam	2.260.000.000	(*) (733.265.793)	2.260.000.000	(*) (852.463.129)
Công ty CP Dịch vụ Logistics Thăng Long	19.363.200.000	(*) -	16.778.200.000	(*) -
<b>Cộng</b>	<b>21.623.200.000</b>	<b>(733.265.793)</b>	<b>19.038.200.000</b>	<b>(852.463.129)</b>

(\*) Tại ngày báo cáo, Tập đoàn chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất do không có giá niêm yết trên thị trường và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện chưa có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

(Xem trang tiếp theo)

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)****4.3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	<b>Tại ngày 30/06/2021 VND</b>	<b>Tại ngày 01/01/2021 VND</b>
Công ty TNHH PRETTL Việt Nam	12.970.760.069	16.540.754.693
Ew Logistics	12.955.539.450	1.105.020.150
Công ty TNHH Everstar Sealandair	8.130.849.127	-
Công ty TNHH Dịch Vụ Hàng Không Minh Anh	6.251.632.922	-
Công ty TNHH BDP Quốc Tế (Việt Nam)	5.513.996.451	16.225.000
Công ty TNHH Seojin Auto	5.346.958.728	729.752.064
Công ty TNHH Thương mại Đầu tư Nhật Phương	5.300.180.797	5.300.180.797
Các khách hàng khác	242.158.086.926	201.354.557.187
<b>Cộng</b>	<b><u>298.628.004.470</u></b>	<b><u>225.046.489.891</u></b>

Tại ngày 30/06/2021, mỗi đối tượng của các khách hàng khác có giá trị nhỏ hơn 10% tổng số phải thu ngắn hạn của khách hàng.

**4.4. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	<b>Tại ngày 30/06/2021 VND</b>	<b>Tại ngày 01/01/2021 VND</b>
Regional Container Lines Public Company	7.950.899.418	4.684.236.602
Các nhà cung cấp khác	2.651.921.731	4.423.460.404
<b>Cộng</b>	<b><u>10.602.821.149</u></b>	<b><u>9.107.697.006</u></b>

Tại ngày 30/06/2021, mỗi đối tượng của các nhà cung cấp khác có giá trị nhỏ hơn 10% tổng số trả trước cho người bán ngắn hạn.

(Xem trang tiếp theo)



**CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG VÀ CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Số 02 Bích Cầu, Phường Quốc Tử Giám, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)****4.5. Phải thu ngắn hạn khác**

	Tại ngày 30/06/2021		Tại ngày 01/01/2021	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
VND				
Ký quỹ	11.025.797.416	-	9.708.960.000	-
Tạm ứng cho nhân viên	5.175.969.667	-	4.857.904.053	-
Phải thu khác	5.805.627.998	-	5.780.781.239	-
Tạm ứng cho bên liên quan – Xem thêm mục 8	68.305.389	-	65.469.089	-
<b>Cộng</b>	<b>22.075.700.470</b>	<b>-</b>	<b>20.413.114.381</b>	<b>-</b>

Tại ngày 30/6/2021, mỗi đối tượng phải thu khác có giá trị nhỏ hơn 10% tổng số phải thu ngắn hạn khác.

**4.6. Nợ xấu**

	Tại ngày 30/06/2021			Tại ngày 01/01/2021		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn
VND						
Công ty TNHH MTV Chế tạo Thiết bị và Đóng tàu Hải Phòng	1.115.620.730	-	Trên 3 năm	1.115.620.730	-	Trên 3 năm
Công ty CP Giao nhận DMG Hà Nội	1.076.916.344	-	Trên 3 năm	1.076.916.344	-	Trên 3 năm
Công ty TNHH Thương Mại Đầu tư Nhật Phương	5.300.180.797	2.650.090.398	Từ 1 năm đến 2 năm	-	-	Từ 6 tháng đến trên 3 năm
Các khách hàng khác	3.746.835.231	1.374.809.296	Từ 6 tháng đến trên 3 năm	6.206.916.888	3.239.938.931	
<b>Cộng</b>	<b>11.239.553.102</b>	<b>4.024.899.694</b>		<b>8.399.453.962</b>	<b>3.239.938.931</b>	

(Xem trang tiếp theo)

**CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG VÀ CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Số 02 Bích Câu, Phường Quốc Tử Giám, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

**4.7. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định hữu hình khác		Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá:							
Tại ngày 01/01/2021	52.386.197.589	10.770.708.915	42.574.458.440	1.036.799.728	799.370.000		107.567.534.672
Mua trong kỳ	-	98.440.000	-	-	56.100.000		154.540.000
Đầu tư XDCB hoàn thành	580.903.779	-	-	-	-		580.903.779
Thanh lý	-	-	-	(51.164.462)	-		(51.164.462)
<b>Tại ngày 30/06/2021</b>	<b>52.967.101.368</b>	<b>10.869.148.915</b>	<b>42.574.458.440</b>	<b>985.635.266</b>	<b>855.470.000</b>		<b>108.251.813.989</b>
Giá trị hao mòn lũy kế:							
Tại ngày 01/01/2021	20.106.786.605	7.377.487.477	39.472.336.476	837.503.920	799.370.000		68.593.484.478
Khấu hao trong kỳ	1.458.882.647	399.185.142	524.872.526	45.176.428	7.841.934		2.435.958.677
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	(51.164.462)	-		(51.164.462)
<b>Tại ngày 30/06/2021</b>	<b>21.565.669.252</b>	<b>7.776.672.619</b>	<b>39.997.209.002</b>	<b>831.515.886</b>	<b>807.211.934</b>		<b>70.978.278.693</b>
Giá trị còn lại:							
Tại ngày 01/01/2021	32.279.410.984	3.393.221.438	3.102.121.964	199.295.808	-		38.974.050.194
<b>Tại ngày 30/06/2021</b>	<b>31.401.432.116</b>	<b>3.092.476.296</b>	<b>2.577.249.438</b>	<b>154.119.380</b>	<b>48.258.066</b>		<b>37.273.535.296</b>

Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ hữu hình là 748.993.307 VND đã dùng thế chấp, cầm cố, đảm bảo cho các khoản vay – Xem thêm mục 4.14.

Nguyên giá của TSCĐ hữu hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 40.161.029.665 VND.





**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)****4.8. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

Khoản mục	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy tính VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá:			
Tại ngày 01/01/2021	2.642.410.677	1.002.178.109	3.644.588.786
Thanh lý	-	(106.515.600)	(106.515.600)
<b>Tại ngày 30/06/2021</b>	<b>2.642.410.677</b>	<b>895.662.509</b>	<b>3.538.073.186</b>
Giá trị hao mòn lũy kế:			
Tại ngày 01/01/2021	1.574.038.353	917.666.431	2.491.704.784
Khấu hao trong kỳ	8.158.122	26.460.132	34.618.254
Thanh lý	-	(106.515.600)	(106.515.600)
<b>Tại ngày 30/06/2021</b>	<b>1.582.196.475</b>	<b>837.610.963</b>	<b>2.419.807.438</b>
Giá trị còn lại:			
Tại ngày 01/01/2021	1.068.372.324	84.511.678	1.152.884.002
<b>Tại ngày 30/06/2021</b>	<b>1.060.214.202</b>	<b>58.051.546</b>	<b>1.118.265.748</b>

Nguyên giá TSCĐ vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 2.149.213.578 VND.

(Xem trang tiếp theo)

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

4.9. Phải trả người bán ngắn hạn	Tại ngày 30/06/2021 VND		Tại ngày 01/01/2021 VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Regional Container Lines Public Co.,	63.623.445.759	63.623.445.759	51.784.365.011	51.784.365.011
VP bán vé Hãng hàng không Korean Air tại Hà Nội	29.434.241.222	29.434.241.222	10.597.206.674	10.597.206.674
VP bán vé Hãng hàng không ASIANA AIRLINE INC tại Hà Nội	6.961.565.489	6.961.565.489	3.245.638.914	3.245.638.914
CN Công ty TNHH DV Hàng không Véc tơ Quốc tế tại Hà nội	6.378.190.541	6.378.190.541	-	-
Qatar Airway Group	1.849.824.868	1.849.824.868	4.844.260.932	4.844.260.932
Các nhà cung cấp khác	109.618.662.784	109.618.662.784	101.198.072.517	101.198.072.517
<b>Công</b>	<b>217.865.930.663</b>	<b>217.865.930.663</b>	<b>171.669.544.048</b>	<b>171.669.544.048</b>

Tại ngày 30/06/2021, mỗi đối tượng của các nhà cung cấp khác có giá trị nhỏ hơn 10% tổng số phải trả người bán ngắn hạn.

Thuế và các khoản (phải thu)/phải nộp Nhà nước	Tại ngày 30/06/2021		Trong kỳ		Tại ngày 01/01/2021	
	Phải thu	Phải nộp	Phải nộp	Đã nộp	Phải thu	Phải nộp
Thuế giá trị gia tăng phải nộp	-	2.848.842.037	5.299.698.756	3.101.849.005	-	650.992.286
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	454.636	-	-	22.000	432.636	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	2.771.649.642	2.015.670.119	822.677.567	-	1.578.657.090
Thuế thu nhập cá nhân	-	719.736.099	5.079.998.965	5.094.028.368	-	733.765.502
Thuế thu nhập cá nhân được khấu trừ	74.532.789	-	55.857.520	130.390.309	-	-
Thuế nhà đất	-	330.543.090	332.924.090	2.381.000	-	-
Các loại thuế khác	-	653.968.845	3.477.119.989	3.592.269.300	-	769.118.156
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	87.926.421	-	21.962.822	109.889.243	-	-
<b>Công</b>	<b>162.913.846</b>	<b>7.324.739.713</b>	<b>16.283.232.261</b>	<b>12.853.506.792</b>	<b>432.636</b>	<b>3.732.533.034</b>



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)****4.11. Phải trả người lao động**

Là tiền thưởng và lương tháng 6/2021 phải trả cho nhân viên tại ngày 30/06/2021.

**4.12. Chi phí phải trả**

	Tại ngày 30/06/2021 VND	Tại ngày 01/01/2021 VND
Ngắn hạn:		
Trích trước cước vận chuyển và phí	2.332.378.231	526.757.611
Dài hạn:		
Trích trước lãi vay phải trả của trái phiếu	1.750.039.967	-

**4.13. Phải trả khác**

	Tại ngày 30/06/2021 VND	Tại ngày 01/01/2021 VND
Ngắn hạn:		
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	3.156.922.383	4.193.472.383
Các khoản phải trả, phải nộp khác	243.778.339	1.008.504.839
<b>Cộng</b>	<b>3.400.700.722</b>	<b>5.201.977.222</b>
Dài hạn:		
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	1.146.350.000	1.000.000.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.000.000.000	1.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>2.146.350.000</b>	<b>2.000.000.000</b>

(Xem trang tiếp theo)

**CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TÀI NGOẠI THƯƠNG VÀ CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Số 02 Bích Câu, Phường Quốc Tử Giám, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

**4.14. Vay**

Các khoản vay được chi tiết như sau:

	Tại ngày 30/06/2021		Trong năm		Tại ngày 01/01/2021	
	VND	VND	Tăng	Giảm	VND	VND
Vay ngắn hạn	Giá trị	Số có khả năng trả nợ			Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	285.361.581.615	285.361.581.615	717.544.090.052	702.535.921.294	270.353.412.857	270.353.412.857
Các khoản vay ngắn hạn được chi tiết như sau:						
<b>Ngân hàng</b>	Loại tiền	Lãi suất	Tại ngày 30/06/2021		Tại ngày 01/01/2021	
			VND	VND	VND	VND
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	VND	7,5%/năm			158.323.611.880	184.973.062.228 (a)
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam	VND	6,5% - 7,5%/năm			30.177.459.784	14.822.966.952 (b)
Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt	VND	7,5%/năm			15.065.906.935	24.405.662.308 (c)
Ngân hàng TMCP Á Châu	VND	7,5%/năm			13.046.758.827	13.702.859.303 (d)
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam	VND	7,2%/năm			34.928.813.200	32.448.862.066 (e)
Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam	VND	6,99% - 7,05%/năm			10.839.344.044	- (f)
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	VND	7,0%/năm			22.979.686.945	- (g)
<b>Cộng</b>					<b>285.361.581.615</b>	<b>270.353.412.857</b>

Các khoản vay được đảm bảo bằng các khoản tiền gửi kỳ hạn – Xem thêm mục 4.1 và mục 4.2, được chi tiết như sau:

(a) Khoản vay được bảo đảm bằng:

- Hợp đồng tiền gửi số 163/2017/HĐTG.TX với tổng trị giá 20.000.000.000 VND;
- Hợp đồng tiền gửi số 506/2017/HĐTG.TX với tổng trị giá 1.000.000.000 VND;
- Hợp đồng tiền gửi số 457/2019/HĐTG.TX với tổng trị giá 3.000.000.000 VND;
- Hợp đồng tiền gửi số 461/2019/HĐTG.TX với tổng trị giá 3.000.000.000 VND;
- Hợp đồng tiền gửi số 659/2019/HĐTG.TX với tổng trị giá 500.000.000 VND;
- Hợp đồng tiền gửi số 142/2020/HĐTG.TX với tổng trị giá 2.300.000.000 VND;



**CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG VÀ CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Số 02 Bích Câu, Phường Quốc Tử Giám, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

- Hợp đồng tiền gửi số 180/2020/HĐTG.TX với tổng trị giá 1.000.000.000 VND;
- Hợp đồng tiền gửi số 571/2020/HĐTG.TX với tổng trị giá 2.000.000.000 VND;
- Hợp đồng tiền gửi số 658/2020/HĐTG.TX với tổng trị giá 1.000.000.000 VND;
- Hợp đồng tiền gửi số 564/2020/HĐTG.TX với tổng trị giá 1.000.000.000 VND;
- Hợp đồng tiền gửi số 555/2020/HĐTG.TX với tổng trị giá 100.000 USD;
- Hợp đồng tiền gửi số 194/2020/HĐTG.TX với tổng trị giá 50.000 USD;
- Hợp đồng tiền gửi số 657/2020/HĐTG.TX với tổng trị giá 100.000 USD;
- Hợp đồng tiền gửi số 225/2021/HĐTG.TX với tổng trị giá 100.000 USD;
- Tài sản cố định là một số phương tiện vận tải có giá trị còn lại tại ngày 30/06/2021 là 748.993.307 VND – Xem thêm mục 4.7.

(b) Khoản vay được đảm bảo bằng các tài khoản tiền gửi số 0975000004676, 0975000005196, 0975000017086, 001020824108 tại ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam với tổng giá trị là 20.000.000.000 VND.

(c) Khoản vay được đảm bảo bằng:

- Hợp đồng tiền gửi số 01/2019/HĐTGCKH-LPB-VNT, kỳ hạn 7 tháng, giá trị 1.500.000.000 VND;
- Hợp đồng tiền gửi số 04/2017/HĐTG-LPBHP-VNT, kỳ hạn 03 tháng, giá trị 2.300.000.000 VND;
- Hợp đồng tiền gửi số 05/2017/HĐTG-LPBHP-VNT, kỳ hạn 01 tháng, giá trị 145.000 USD;
- Hợp đồng tiền gửi số 06/2018/HĐTG-LPBHP-VNT, kỳ hạn 03 tháng, giá trị 1.200.000.000 VND;
- Hợp đồng tiền gửi số 07/2018/HĐTG-LPBHP-VNT, kỳ hạn 03 tháng, giá trị 1.800.000.000 VND;
- Hợp đồng tiền gửi số 08/2018/HĐTG-LPBHP-VNT, kỳ hạn 03 tháng, giá trị 2.237.145.666 VND;
- Hợp đồng tiền gửi số 09/2018/HĐTGCKH-LPB-VNT kỳ hạn 03 tháng, giá trị 2.908.289.368 VND.

(d) Khoản vay được đảm bảo bằng thỏa thuận tiền gửi có kỳ hạn (VND) số tài khoản 330529269, 331787579, 332059019, 336292049 tại Ngân hàng TMCP Á Châu trị giá 10.000.000.000 VND.

(e) Khoản vay được đảm bảo bằng thỏa thuận tiền gửi có kỳ hạn (VND) số tài khoản 213000208156, 217000202721, 211000105524, 217000107768, 210000220956, 216000212191, 218000213461 và 219000220957 tại Ngân hàng Công Thương Việt Nam - CN Hoàng Mai với tổng trị giá là 11.928.328.767 VND.

(f) Khoản vay được đảm bảo bằng thỏa thuận tiền gửi có kỳ hạn (VND) số tài khoản 703003958743 tại Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam trị giá 13.000.000.000 VND.

(g) Khoản vay được đảm bảo bằng hợp đồng tiền gửi số 01/2021/HĐTG/NHNNoHNPGDBĐ-VNT, kỳ hạn 12 tháng, giá trị 8.000.000.000 VND tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

**4.15. Trái phiếu chuyển đổi**

- Trái phiếu chuyển đổi do công ty mẹ phát hành tại ngày 28 tháng 01 năm 2021 có thời hạn 2 năm kể từ ngày phát hành;
- Số lượng trái phiếu chuyển đổi: 592.546 trái phiếu;
- Mệnh giá: 100.000 VND/ trái phiếu;
- Lãi suất phát hành trái phiếu: 7%/năm;
- Kỳ hạn trả lãi: 01 năm/lần;
- Tỷ lệ chuyển đổi thành cổ phiếu = Mệnh giá trái phiếu/ Giá chuyển đổi;
- Lãi suất chiết khấu dùng để xác định giá trị phần nợ gốc của từng loại trái phiếu chuyển đổi: 7,5%/năm;
- Giá trị phần nợ gốc là 58.722.622.520 VND và phần quyền chọn cổ phiếu của từng loại trái phiếu chuyển đổi là 531.977.479 VND.

(Xem trang tiếp theo)



**CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG VÀ CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Số 02 Bích Câu, Phường Quốc Tử Giám, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

**4.16. Vốn chủ sở hữu**

**4.16.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu				Cộng
		Thặng dư vốn cổ phần	Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	Cổ phiếu quỹ	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và các quỹ	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 01/01/2020	119.490.050.000	45.544.394.511	-	(817.208.082)	46.870.342.243	211.087.578.672
Lỗi trong 6 tháng đầu năm trước	-	-	-	-	2.366.544.167	2.366.544.167
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	(500.000.000)	(500.000.000)
Chia cổ tức 2019	-	-	-	-	(14.272.326.000)	(14.272.326.000)
Tại ngày 30/06/2020	119.490.050.000	45.544.394.511	-	(817.208.082)	34.464.560.410	198.681.796.839
Lỗi trong 6 tháng cuối năm trước	-	-	-	-	(11.976.907.819)	(11.976.907.819)
Tại ngày 01/01/2021	119.490.050.000	45.544.394.511	-	(817.208.082)	22.487.652.591	186.704.889.020
Phát hành trái phiếu chuyển đổi	-	-	531.977.480	-	-	531.977.480
Lỗi trong 6 tháng đầu năm nay	-	-	-	-	(12.190.125.935)	(12.190.125.935)
<b>Tại ngày 30/06/2021</b>	<b>119.490.050.000</b>	<b>45.544.394.511</b>	<b>531.977.480</b>	<b>(817.208.082)</b>	<b>10.297.526.656</b>	<b>175.046.740.565</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

**4.16.2. Cổ phiếu**

	<b>Tại ngày 30/06/2021</b>	<b>Tại ngày 01/01/2021</b>
Số lượng cổ phiếu phổ thông đăng ký phát hành	11.949.005	11.949.005
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã bán ra công chúng	11.949.005	11.949.005
Số lượng cổ phiếu phổ thông được mua lại (cổ phiếu quỹ)	55.400	55.400
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	11.893.605	11.893.605

Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/ cổ phần.

**4.16.3. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	<b>Kỳ này VND</b>	<b>Kỳ trước VND</b>
Lãi/(lỗ) sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	(12.190.125.935)	2.366.544.167
(Tạm) Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	(500.000.000)	(500.000.000)
Lãi/(lỗ) sau thuế để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	(12.690.125.935)	1.866.544.167
Số cổ phần lưu hành bình quân trong kỳ	11.893.605	11.893.605
<b>Lãi/(lỗ) cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>(1.067)</b>	<b>157</b>

**4.16.4. Lãi suy giảm trên cổ phiếu**

	<b>Kỳ này VND</b>	<b>Kỳ trước VND</b>
Lãi/(lỗ) sau thuế của cổ đông công ty mẹ	(12.190.125.935)	2.366.544.167
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	(500.000.000)	(500.000.000)
Lãi/(lỗ) để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	(12.690.125.935)	1.866.544.167
Số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong kỳ	11.893.605	11.893.605
Số lượng cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm	-	-
Số lượng cổ phiếu để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	11.893.605	11.893.605
<b>Lãi/(lỗ) suy giảm trên cổ phiếu</b>	<b>(1.067)</b>	<b>157</b>

**4.16.5. Các quỹ của doanh nghiệp**

	<b>Quỹ đầu tư phát triển VND</b>	<b>Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND</b>
<b>Tại ngày 01/01/2021</b>	<b>9.400.293.842</b>	<b>12.000.000.000</b>
Trích trong kỳ	-	-
Chi trong kỳ	-	-
<b>Tại ngày 30/06/2021</b>	<b>9.400.293.842</b>	<b>12.000.000.000</b>



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)****4.17. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán hợp nhất**

	<b>Tại ngày 30/06/2021</b>	<b>Tại ngày 01/01/2021</b>
Ngoại tệ các loại:		
USD	2.172.405,52	1.145.756,82
EUR	93.793,75	11.029,38
SGD	680,86	680,86
JPY	33.000,00	33.000,00

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT****5.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<b>Kỳ này VND</b>	<b>Kỳ trước VND</b>
Cước vận chuyển hàng không	429.316.445.902	289.972.674.542
Cước vận chuyển đường biển	310.764.261.398	116.036.844.596
Doanh thu dịch vụ khác	311.496.717.895	127.811.477.502
<b>Cộng</b>	<b>1.051.577.425.195</b>	<b>533.820.996.640</b>

Xin tham khảo Mục 1.5 về các thông tin có ảnh hưởng đến doanh thu kỳ này.

**5.2. Giá vốn hàng bán**

	<b>Kỳ này VND</b>	<b>Kỳ trước VND</b>
Chi phí nhân công	50.362.955.795	34.100.573.651
Chi phí công cụ, dụng cụ	269.916.775	209.536.363
Chi phí khấu hao TSCĐ	2.105.435.379	2.674.734.757
Chi phí dịch vụ mua ngoài	943.292.380.413	463.437.235.843
Chi phí bằng tiền khác	12.803.175.091	10.949.356.964
<b>Cộng</b>	<b>1.008.833.863.453</b>	<b>511.371.437.578</b>

Giá vốn kỳ này tăng do tăng doanh thu như thuyết minh ở Mục 5.1.

**5.3. Doanh thu hoạt động tài chính**

	<b>Kỳ này VND</b>	<b>Kỳ trước VND</b>
Lãi tiền gửi	2.094.619.772	2.454.642.787
Lãi chênh lệch tỷ giá	1.165.473.135	1.050.790.251
Cổ tức, lợi nhuận được chia	404.432.000	-
<b>Cộng</b>	<b>3.664.524.907</b>	<b>3.505.433.038</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)****5.4. Chi phí tài chính**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lãi tiền vay	10.901.361.674	7.149.044.954
Lỗ chênh lệch tỷ giá	552.464.301	705.489.546
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	552.508.342	239.338.160
<b>Cộng</b>	<b>12.006.334.317</b>	<b>8.093.872.660</b>

**5.5. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí nhân viên quản lý	10.830.806.785	7.497.135.145
Chi phí đồ dùng văn phòng	114.393.999	338.576.910
Chi phí khấu hao	365.141.552	573.501.272
Thuế, phí và lệ phí	349.474.159	343.130.313
Chi phí dự phòng	2.055.138.377	396.356.850
Chi phí khác	6.522.969.884	5.403.846.015
<b>Cộng</b>	<b>20.237.924.756</b>	<b>14.552.546.505</b>

**5.6. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí nhân công	61.193.762.580	41.597.708.796
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.470.576.931	3.248.236.029
Chi phí dịch vụ mua ngoài	944.026.165.346	463.437.235.843
Dự phòng phải thu khó đòi	2.055.138.377	485.863.905
Chi phí khác bằng tiền	19.326.144.975	17.154.939.510
<b>Cộng</b>	<b>1.029.071.788.209</b>	<b>525.923.984.083</b>

(Xem trang tiếp theo)



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

**5.7. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế trong kỳ được xác định như sau:

	<b>Kỳ này VND</b>	<b>Kỳ trước VND</b>
Lợi nhuận kế toán trước thuế trong kỳ	(10.174.455.816)	3.379.676.594
Điều chỉnh lợi nhuận do hợp nhất báo cáo tài chính	24.116.076.349	(139.728.390)
Cộng: Các khoản điều chỉnh tăng	3.724.693.213	1.825.713.935
Trừ: Cổ tức, lợi nhuận được chia	(404.432.000)	-
Thu nhập tính thuế từ hoạt động kinh doanh	17.261.881.746	5.065.662.139
Thuế suất thuế TNDN hiện hành	20%	20%
Chi phí thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh	3.452.376.350	1.013.132.427
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước	(1.436.706.231)	-
<b>Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế trong kỳ</b>	<b>2.015.670.119</b>	<b>1.013.132.427</b>

Các khoản điều chỉnh tăng, giảm thu nhập chịu thuế chủ yếu là các khoản mục theo qui định của Luật thuế TNDN không được xem là chi phí/thu nhập khi tính thuế.

**6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**

**6.1. Số tiền đi vay thực thu trong kỳ**

	<b>Kỳ này VND</b>	<b>Kỳ trước VND</b>
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	717.544.090.052	353.631.632.950
Tiền thu từ phát hành trái phiếu chuyển đổi	58.722.622.520	-
<b>Cộng</b>	<b>776.266.712.572</b>	<b>353.631.632.950</b>

**6.2. Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ**

	<b>Kỳ này VND</b>	<b>Kỳ trước VND</b>
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	(702.535.921.294)	(351.567.902.358)

CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 02 Bích Câu, Phường Quốc Tử Giám, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

7. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Nhiệm phục vụ mục đích quản lý, Tập đoàn có quy mô hoạt động trên toàn quốc phân chia hoạt động của mình thành các bộ phận chính yếu theo khu vực địa lý như sau:

- Hà Nội
- Hải Phòng

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2021:

	Hà Nội		Hải Phòng		Loại trừ		Tổng cộng	
	Kỳ này	Kỳ trước	Kỳ này	Kỳ trước	Kỳ này	Kỳ trước	Kỳ này	Kỳ trước
ĐVT: Ngàn đồng								
<b>Doanh thu</b>								
Từ khách hàng bên ngoài	1.010.625.630	499.965.539	40.951.795	33.855.457	-	-	1.051.577.425	533.820.996
Giữa các bộ phận	58.074.636	48.762.390	11.783.038	9.610.019	(69.857.674)	(58.372.409)	-	-
<b>Cộng</b>	<b>1.068.700.266</b>	<b>548.727.929</b>	<b>52.734.833</b>	<b>43.465.476</b>	<b>(69.857.674)</b>	<b>(58.372.409)</b>	<b>1.051.577.425</b>	<b>533.820.996</b>
<b>Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất</b>								
Lợi nhuận trước thuế, thu nhập tài chính và chi phí tài chính	(5.587.651)	6.049.687	3.977.212	1.847.325	-	-	(1.610.439)	7.897.012
Doanh thu tài chính	2.714.792	2.530.531	949.732	1.114.630	-	-	3.664.524	3.645.161
Chi phí tài chính	(10.361.734)	(6.612.674)	(1.644.600)	(1.481.199)	-	-	(12.006.334)	(8.093.873)
Lợi nhuận khác	(116.053)	261.845	(106.154)	(330.469)	-	-	(222.207)	(68.624)
Lợi nhuận trước thuế Thuế TNDN	(13.350.646)	2.229.389	3.176.190	1.150.287	-	-	(10.174.456)	3.379.676
							(2.015.670)	(1.013.132)
<b>Lợi nhuận sau thuế</b>							<b>(12.190.126)</b>	<b>2.366.544</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG VÀ CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Số 02 Bích Câu, Phường Quốc Tử Giám, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Các thông tin khác	Hàng Nội				Hàng Phòng				Loại trừ				Tổng cộng				ĐVT: Ngân đồng
	Tại ngày		Tại ngày		Tại ngày		Tại ngày		Tại ngày		Tại ngày		Tại ngày				
	30/06/2021	01/01/2021	30/06/2021	01/01/2021	30/06/2021	01/01/2021	30/06/2021	01/01/2021	30/06/2021	01/01/2021	30/06/2021	01/01/2021	30/06/2021	01/01/2021			
Tài sản của bộ phận	683.199.582	575.261.512	163.084.657	143.923.370	(80.852.853)	(77.644.761)	765.431.386	641.540.121									
Nợ phải trả của bộ phận	508.152.841	388.556.623	163.084.657	143.923.370	(80.852.853)	(77.644.761)	590.384.645	454.835.232									

	Hàng Nội				Hàng Phòng				Loại trừ				Tổng cộng				ĐVT: Ngân đồng
	Kỳ này		Kỳ trước		Kỳ này		Kỳ trước		Kỳ này		Kỳ trước		Kỳ này		Kỳ trước		
Chi phí mua sắm tài sản trong năm	510.944		36.900		65.630		-			-				576.574		36.900	
Chi phí khấu hao trong năm	408.456		343.415		2.062.121		2.904.821			-				2.470.577		3.248.236	

Doanh thu bộ phận được dựa trên cơ sở vị trí địa lý của khách hàng. Tài sản và chi phí mua sắm tài sản cố định bộ phận được trình bày theo vị trí địa lý của tài sản. Tập đoàn không có báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh vì Tập đoàn chỉ hoạt động trong lĩnh vực giao nhận vận chuyển và logistics, do đó không có sự khác nhau về rủi ro và lợi ích kinh tế theo lĩnh vực kinh doanh cần thiết phải thuyết minh.

(Xem trang tiếp theo)

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)****8. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN****Danh sách các bên liên quan**

Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc

**Mối quan hệ**

Nhân sự quản lý chủ chốt

Giao dịch nội bộ giữa các công ty trong Tập đoàn đã được loại trừ toàn bộ trong quá trình hợp nhất.

Tại ngày lập bảng cân đối kế toán hợp nhất, số dư phải thu với các bên liên quan như sau:

	<b>Tại ngày 30/06/2021 VND</b>	<b>Tại ngày 01/01/2021 VND</b>
Tạm ứng – Xem thêm mục 4.5:		
Ông Trần Công Thành – Tổng Giám đốc	65.469.089	65.469.089
Ông Lê Đại Thắng – Phó Tổng Giám đốc	2.836.300	-
<b>Cộng</b>	<b>68.305.389</b>	<b>65.469.089</b>

Thù lao của Hội đồng quản trị, thu nhập của Ban Tổng Giám đốc và các nhân viên quản lý chủ chốt khác của Tập đoàn được chi tiết như sau:

<b>Tên</b>	<b>Chức vụ</b>	<b>Kỳ này VND</b>	<b>Kỳ trước VND</b>
Ông Nguyễn Xuân Giang	Chủ tịch	528.222.222	470.652.222
Ông Trần Công Thành	Tổng Giám đốc/ Thành viên	517.111.111	391.111.111
Ông Lê Đại Thắng	Phó Tổng Giám đốc	306.000.000	270.000.000
Ông Tăng Anh Quốc	Phó Tổng Giám đốc	306.000.000	-
Ông Ngô Trọng Bắc	Phó Tổng Giám đốc	306.000.000	-
Ông Vũ Thế Đức	Thành viên	61.111.111	61.111.111
Ông Bùi Tuấn Ngọc	Thành viên	61.111.111	61.111.111
Ông Lê Duy Hiệp	Thành viên	61.111.111	61.111.111
Ông Nguyễn Bích Lâm	Thành viên	61.111.111	61.111.111
Ông Lương Ngọc Bảo	Thành viên	61.111.111	61.111.111
<b>Cộng</b>		<b>2.268.888.888</b>	<b>1.437.318.888</b>

**9. THU NHẬP BAN KIỂM SOÁT TẬP ĐOÀN**

	<b>Kỳ này VND</b>	<b>Kỳ trước VND</b>
Tiền lương và các chi phí hoạt động	56.000.000	61.111.112



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

**10. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN**

Ảnh hưởng của đại dịch Coronavirus (COVID-19) đang diễn ra và mặc dù đang tác động tích cực về mặt tài chính cho Tập đoàn đến 30/6/2021 nhưng Tập đoàn cũng không thể ước tính được các ảnh hưởng tiềm tàng, tích cực hoặc tiêu cực, sau ngày kết thúc kỳ báo cáo. Tình hình dịch bệnh đang diễn biến nhanh và phụ thuộc vào các biện pháp kiểm soát dịch bệnh của Chính phủ Việt Nam và các nước.

Ngoài ảnh hưởng của vấn đề nêu trên, không có vấn đề hoặc tình huống nào khác phát sinh kể từ ngày 30/06/2021 có ảnh hưởng trọng yếu hoặc có thể có ảnh hưởng trọng yếu đến hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh hoặc tình hình của Tập đoàn trong những giai đoạn tài chính sắp tới.

**Phê duyệt**



**Trần Công Thành**  
**Tổng Giám đốc**

Thành phố Hà Nội, ngày 25 tháng 08 năm 2021

**Người lập**

**Đỗ Thị Thu Hiền**  
**Kế toán trưởng**

